

ĐÌNH TIÊN HOÀNG VÀ QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI THỜI ĐÌNH

NGUYỄN VĂN KIM*

1. Bối cảnh chính trị Đông Á và sự phục hưng nền độc lập dân tộc

Trong tiến trình phát triển của dân tộc Việt Nam, thế kỷ X được coi là thế kỷ bước ngoặt với nhiều chuyển biến lớn mà bước chuyển quan trọng nhất là dân tộc ta đã giành lại được nền độc lập sau hơn một nghìn năm Bắc thuộc. Sự nghiệp đó là kết quả của cả một quá trình đấu tranh bền bỉ, anh dũng để duy tồn, bảo vệ bản sắc văn hóa, củng cố và không ngừng nhân lên các giá trị nhân văn trước các cuộc xâm lược, âm mưu thôn tính, đồng hóa của những thế lực chính trị, đế chế khu vực.

Dựa trên tảng nền văn hóa bản địa Đông Nam Á, trong các vòng tiếp giao và tiếp biến văn hóa với cả hai khu vực Đông Bắc Á và Tây Nam Á, trên lãnh thổ Việt Nam hiện nay đã hình thành nên các nền văn hóa cổ mà tiêu biểu là Văn hóa Đông Sơn nổi tiếng (1). Nền văn hóa đó hội đủ "mọi tinh túy của các cộng đồng tộc người đã làm nên một Đông Nam Á đặc thù" (2).

Viết về thời kỳ Đông Sơn và văn minh Đông Sơn, nhà Dân tộc học nổi tiếng người Pháp Georges Condominas cho rằng: "trong các thời tiền sử và cổ sử Đông Nam Á đã

nảy sinh ra một trong những nền văn minh rực rỡ nhất của thời cổ đại: Nền văn minh Đông Sơn mà cái nôi là vùng trung du và châu thổ Bắc Kỳ, như đã được chứng minh qua các cuộc khai quật cực kỳ có kết quả được các nhà khảo cổ miền Bắc Việt Nam tiến hành ngay trong thời gian chiến tranh. Nền văn minh này đã phát triển suốt hàng mấy nghìn năm và lan rộng lên phía bắc, ở miền Nam Trung Quốc ngày nay và xuống phía nam, đến một phần của khu vực Mã Lai. Sự tồn tại của nền văn minh lớn này đã giải thích vì sao người Việt Nam đã giữ gìn được ngôn ngữ và cá tính văn hóa của mình, dù đã phải chịu một nền đô hộ hơn mười thế kỷ của người Trung Quốc" (3).

Các nhà nước Văn Lang, Âu Lạc hình thành ở miền Bắc lãnh thổ Việt Nam ngày nay đã được kiến dựng trong bối cảnh lịch sử, văn hóa và tương tác chính trị đó. Từ trong bão táp của các cuộc chiến tranh, ý thức về nguồn cội, về một không gian sinh thái - văn hóa riêng biệt, về nền độc lập,... đã không ngừng được hun đúc trong tâm thức của các cộng đồng cư dân Việt cổ.

Trải qua nhiều thế kỷ đấu tranh bền bỉ, đến thế kỷ thứ X nhận thấy nền chính trị

* GS.TS Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG HN

phương Bắc có nhiều suy thoái, biến đổi, cùng với các quốc gia khu vực, dân tộc Việt Nam đã vùng lên đấu tranh, quyết tâm giành lại quyền tự chủ. Thế kỷ X ghi dấu trong lịch sử Việt Nam như một thế kỷ quật cường, đấu tranh liên tục, mở đầu với cuộc khởi nghĩa của họ Khúc (905 - 917), tiếp đó là các cuộc đấu tranh của họ Dương (931 - 937), rồi các triều Ngô (939 - 965), Đinh (968 - 980), Tiền Lê (980 - 1009), để rồi tiếp tục khẳng định nền độc lập vững vàng bằng sự thiết lập vương triều Lý (1009 - 1225) (4). Đó là cả một quá trình vận động, chuyển hóa từ thấp đến cao, từ một cuộc đấu tranh chống thế lực ngoại xâm thành một phong trào giải phóng dân tộc, giành lại quyền tự chủ, khẳng định nền độc lập cho đất nước với ý thức chính trị ngày một sâu sắc. Dân tộc Việt đã trở dậy ở phương Nam và dân tộc ấy quyết tâm bảo vệ môi trường sống, không gian sinh tồn, lãnh thổ thiêng liêng của mình với tâm thế của một quốc gia độc lập (5).

Trên bình diện khu vực, thế kỷ X đến với lịch sử Việt Nam trong tâm thế và với những tác nhân chính trị, xã hội mới. Ở vào vị trí hội giao giữa hai khu vực Đông Bắc Á và Tây Nam Á, là một quốc gia thành viên của cộng đồng Đông Nam Á, Việt Nam đã luôn chia sẻ, nhận thức và thích ứng với những chuyển biến chung, đồng thời cũng chịu nhiều tác động sâu sắc của môi trường xã hội, chính trị khu vực trên cả bề rộng và chiều sâu lịch sử (6).

Năm 907 trước sự suy thoái nghiêm trọng và liên tục bị áp lực từ các thế lực chính trị trong nước, nhà Đường (618 - 907), một triều đại cường thịnh trong lịch sử Trung Quốc sụp đổ. Sự sụp đổ của triều Đường đã chấm dứt 289 năm nắm giữ quyền lực chính trị trung tâm ở Trung Quốc. Sự kiện đó không chỉ đánh dấu việc kết thúc của một triều đại lớn trong lịch sử

Trung Quốc mà còn là sự *đứt gãy và đổ vỡ của cả một hệ thống chính trị, các mối bang giao* được dày công kiến lập bởi kinh đô Trường An cùng các vương triều quân chủ trước đó. Trong giai đoạn chuyển giao quyền lực từ nhà Đường sang nhà Tống (960 - 1279), nền chính trị Trung Quốc đã diễn ra tình trạng phân cát mạnh mẽ. Hậu quả để lại là sự hình thành một thế cuộc chính trị mà lịch sử gọi là thời “Ngũ đại, thập quốc” với các triều Hậu Lương (907 - 923), Hậu Đường (923 - 936), Hậu Tấn (936 - 947), Hậu Hán (947 - 950) và Hậu Chu (951 - 960).

Trong bối cảnh các vương triều thời “Ngũ đại, thập quốc” đều tồn tại một thời gian tương đối ngắn và quyền lực chính trị phân tán, nhiều quốc gia Đông Á đã vùng lên phục hưng quốc thống. Ở Triều Tiên, sự sụp đổ của nhà Đường đã mau chóng dẫn đến sự suy yếu của Shilla (668 - 891), một vương triều thần thuộc, có nhiều mối thâm giao với Trường An và vương quốc Paekche. Nhân cơ hội đó, năm 918 Wang Kon (T'aejo - Thái tổ, 918 - 943), từ một quý tộc vùng Kaesong, đã nổi lên lập nên một triều đại lớn, triều Koryo. Triều đại này đã duy trì được quyền lực ở vùng bán đảo suốt 474 năm (918 - 1392) và là một trong những triều đại huy hoàng nhất của lịch sử Triều Tiên. Với Nhật Bản, sau nhiều thế kỷ mở cửa học tập văn minh Trung Hoa, trước sự sụp đổ của nhà Đường, từ thế kỷ X, Nhật Bản cũng tự hạn chế quan hệ với lục địa Trung Hoa để không “nuốt trọn” những di sản tiếp thu được từ nền văn minh này cùng những di sản từ bán đảo Triều Tiên và các quốc gia châu Á khác. Người Nhật đã bình tâm để vừa lựa chọn, chất lọc vừa “Nhật Bản hóa” những thành tựu, di sản được truyền tải về đảo quốc trong nhiều thế kỷ (7).

Đối với Việt Nam, sau những cuộc đấu tranh anh dũng, chiến thắng Bạch Đằng

năm 938 không chỉ đem lại nền độc lập thực sự cho dân tộc ta mà còn củng cố niềm tin về khả năng giữ vững chủ quyền và nền độc lập ấy trước các thế lực phương Bắc. Nhìn nhận vấn đề một cách tổng quan ta thấy, “Thế kỷ X làm nhiệm vụ lịch sử kết thúc chặng đường dài gian khổ ngàn năm chống Bắc thuộc về chính trị - quân sự và tái cấu trúc hóa nền văn minh Việt Nam với những mảnh vụn của nền văn minh Việt cổ và những nhân tố ngoại sinh ảnh hưởng của Trung Quốc, Ấn Độ” (8).

Như vậy, bằng nhiều con đường, cách thức khác nhau, vào những thập niên đầu tiên của thế kỷ X, cả ba quốc gia khu vực Đông Á là Việt Nam, Triều Tiên, Nhật Bản đều thoát khỏi sự cương tỏa của đế chế Trung Hoa để vươn lên kiến dựng những nhà nước độc lập. Việt Nam đã nắm bắt thời cơ, thích ứng và hội nhập với dòng chảy chung của đời sống chính trị, văn hóa khu vực. Sự nhạy cảm, thế ứng đối chính trị sâu sắc đã được thể hiện mạnh mẽ, giàu lý trí trong bước chuyển lịch sử quan trọng ấy.

2. Kiến tạo cách thức ứng đối và một chiến lược ngoại giao

Nhà Đinh được thiết lập năm 968 thì 8 năm trước đó, tức năm 960 ở phương Bắc, Triệu Khuông Dận đã lập nên nhà Tống. Tuy nhiên, chịu nhiều hệ lụy bởi sự sụp đổ của nhà Đường và thế cuộc phân cát thời “Ngũ đại, thập quốc” nên nhà Tống chưa thể gây nên các áp lực chính trị mạnh mẽ với các quốc gia láng giềng khu vực.

Các nguồn cứ liệu lịch sử cho thấy, sau chiến thắng Bạch Đằng năm 938, tâm thế dân tộc đã diễn ra một bước chuyển lớn từ kiên trì đấu tranh chống ách nô dịch đến kiên quyết đứng lên tiến hành cuộc chiến tranh giải phóng và quyết tâm giữ vững chủ quyền, nền độc lập dân tộc. Tuy vậy, trong tâm thế chính trị thời bấy giờ, ở tầng sâu của một thiết chế chính trị đang trong

quá trình vận động và biến đổi, quốc gia Đại Cổ Việt - Đại Việt dường như đang hưởng mạnh tới việc tìm kiếm, lựa chọn mô hình để vươn tới nền độc lập, thống nhất và sự trường tồn của dân tộc. Quá trình đó hiển nhiên không diễn ra đơn chiều. Sự giằng xé giữa xu thế thống nhất và cát cứ, phân vùng và kết tụ liên vùng vẫn không ngừng vận động và kết tụ trong tiến trình dân tộc.

Trước tình trạng cát cứ kéo dài hơn hai thập niên, là người đứng đầu một trong những sứ quân, Đinh Bộ Lĩnh đã nổi lên như người *Anh hùng của thời đại*. Bằng mưu lược và tinh thần dũng cảm, bằng liên kết chính trị, chiến thuật quân sự và cả những huyền thoại về các đấng siêu linh phù trợ cho nhân thân cùng vương vị, vị tướng dũng mãnh họ Đinh đã chế ngự, trấn dẹp các sứ quân, thống nhất được đất nước (9). Nhờ công tích và uy danh lừng lẫy ấy, Ông được tôn là “*Vạn Thắng vương*” (10).

Năm 968 nạn cát cứ chấm dứt, đất nước thống nhất, Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi, lập nên triều Đinh (968 - 979), được bầy tôi tôn là “*Đại Thắng Minh Hoàng đế*”. Với “tài năng sáng suốt hơn người, dũng cảm mưu lược nhất đời, quyết sạch các hùng trưởng, tiếp nối quốc thống” (11), Đinh Tiên Hoàng đã tự đặt mình ngang hàng với các hoàng đế Trung Hoa. Ông đặt tên nước là Đại Cổ Việt, định đô ở Hoa Lư, đặt niên hiệu là “*Thái Bình*” (970 - 979). Theo Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê: “Nước Việt ta bắt đầu có niên hiệu từ đây” (12). Ông cũng lập con trưởng là Đinh Liễn làm “*Nam Việt vương*” (969). Như vậy, trong tâm thế của một chính quyền tự chủ, Đinh Tiên Hoàng đã lập nên một trật tự chính trị đế - vương ngay trong thiết chế của một chính quyền tự chủ. Để rồi, từ triều Đinh trở đi đã hình thành nên một phương cách chủ đạo trong ứng đối với phương Bắc: “Trong xưng đế, ngoài xưng vương”. Phương cách này được

nhiều triều đại sau tiếp thu, vận dụng linh hoạt. Hẳn là thời bấy giờ, những người đứng đầu triều Đinh đã phân tích và nắm rõ tình hình chính trị Trung Quốc để đi đến những quyết sách một cách vững tin, tự cường như vậy.

Năm 970, tình trạng “Ngũ đại, thập quốc” cơ bản chấm dứt, Triệu Khuông Dận thống nhất được Trung Quốc. Trước đó, ông đã lên ngôi vua lấy hiệu là Tống Thái Tổ (960 - 975). Cũng vào năm 970, Tống Thái Tổ sai tướng là Phạm Mỹ đi đánh Nam Hán và thôn tính nước này. Năm 971, Nam Hán diệt vong. Sau sự kiện chính trị đó, biên giới phía nam của nhà Tống không còn duy tồn “một vùng đệm” mà tiếp giáp ngay với dải biên cương phía bắc của quốc gia Đại Cồ Việt.

Điều cần chú ý là, Đinh Tiên Hoàng lên ngôi vua, thực quyền cầm quân, trị nước nhưng trong các văn bản ngoại giao, đặc biệt là từ năm 975, Ông luôn “ủy nhiệm” cho con trai trưởng là Đinh Liễn đứng tên (làm chủ). Theo cách diễn giải của nhà nghiên cứu Nguyễn Lương Bích thì người đứng đầu triều Đinh đã để cho con trai trực tiếp giao thiệp với vua Tống (13). Giờ đây, thật khó có thể hiểu hết những toan tính chính trị sâu xa cùng tâm thế của Đinh Tiên Hoàng lúc bấy giờ nhưng cũng có thể đoán định rằng, người đứng đầu triều Đinh muốn tạo ra một “khoảng cách an toàn” cho vương triều trước áp lực chính trị từ phương Bắc. Mặt khác, qua những động thái chính trị và “phép thử ngoại giao”, Ông cũng muốn tự nâng mình lên trong thế ứng đối với triều Tống. Chắc rằng, chính quyền phương Bắc hiểu rõ mục tiêu của những động thái chính trị đó nhưng chưa thể đưa ra đối sách mạnh mẽ với phương Nam.

Nhận thức rõ những nguy cơ mà đất nước sẽ phải đối diện trước sự lớn mạnh và âm mưu của triều Tống, một thế lực chính trị

đang vươn lên nắm giữ quyền lực chính trị trung tâm ở Trung Quốc, năm 971 ngay sau khi Nam Hán bị tiêu diệt, để tăng cường quốc lực, Đinh Tiên Hoàng đã khẩn trương thiết lập bộ máy chính quyền cấp trung ương, định chế triều nghi, đặt phẩm hàm quan văn, quan võ. Người đứng đầu triều Đinh đã ra sức củng cố nền hành chính và thiết chế quân sự, đồng thời xây dựng những nguyên tắc và cơ chế vận hành của một triều đại mới. Nhà vua phong cho Nguyễn Bặc làm *Định Quốc công*; Lưu Cơ làm *Độ hộ phủ sĩ sư*; lập 10 đạo quân, cử Lê Hoàn làm *Thập đạo Tướng quân*, tổng chỉ huy quân đội cả nước (14). Cùng với đội ngũ quan lại dân sự, Ông còn có chủ trương trọng dụng, thu hút các trí thức, nhà tu hành có danh vọng vào guồng máy quản lý đất nước. Các vị như Tăng Thống Ngô Chân Lưu được ban hiệu là *Khuông Việt đại sư*, Trương Ma Ni làm *Tăng lục*, Đạo sĩ Huyền Quang được trao chức *Sùng chân uy nghi*...

Cùng với việc xây dựng và củng cố quốc lực, trên phương diện ngoại giao, năm 972, để có thể tránh một cuộc đụng độ sớm với nhà Tống, Đinh Tiên Hoàng đã chủ động sai sứ sang giao hảo với chính quyền phương Bắc. *Nam Việt vương* Đinh Liễn được cử sang kinh đô Trung Quốc để chính thức thiết lập bang giao và biếu tặng sản vật (15). *Việc chủ động tạo nên một tiền lệ ngoại giao đã khiến nhà Tống phải sớm chấp nhận sự hiện diện thực tế của một đất nước ở phương Nam* (16). Tác giả *An Nam chí lược* ghi rằng: “Đầu nhà Tống, Liễn khiến sứ nhập cống, Thái Tổ phong Bộ Lĩnh làm Giao Chỉ quận vương và hạ chiếu cho Liễn làm Tiết độ sứ An Nam Đô hộ” (17). Cùng với việc bang giao với nhà Tống, triều Đinh cũng đồng thời đón nhận nhiều đoàn thuyền buôn nước ngoài đến dâng sản vật, thiết lập quan hệ thương mại, bang giao (18). *Toàn thư* không ghi rõ tên gọi các

nước nhưng qua một số nguồn sử liệu trong nước và quốc tế có thể đoán định rằng, đó là các thuyền buôn từ Đông Nam Á như Chiêm Thành (Champa), Chân Lạp, Giava... và nhiều khả năng có cả những thương thuyền từ Ấn Độ, Tây Á (19).

Sau lần đi sứ năm 972 của *Nam Việt vương* Đinh Liễn, năm 973 vua Tống đã sai sứ sang Đại Cồ Việt, phong Đinh Bộ Lĩnh làm "*Giao Chỉ quận vương*" và Đinh Liễn làm "*Kiểm hiệu Thái sư Tĩnh hải quân Tiết độ sứ An Nam đô hộ*" (20). Ba năm sau, vào năm 975, ngay sau khi sứ giả của Đại Cồ Việt là Trịnh Tú "đem vàng lụa, sừng tê, ngà voi" đến phương Bắc, vua Tống đã sai sứ sang phong cho Đinh Liễn làm "*Khai phủ nghi đồng tam ty, Kiểm hiệu Thái sư Giao Chỉ quận vương*" (21). Việc đem tước "*Giao Chỉ quận vương*" đã phong cho Đinh Bộ Lĩnh để phong cho Đinh Liễn là một trong những động thái chính trị rất đáng chú ý của nhà Tống trong ứng đối ngoại giao với triều Đinh. Mặt khác, cũng cần chú ý là, sau 5 năm chính thức thiết lập mối bang giao, nhà Tống đã bỏ chức "*Tiết độ sứ*" từng phong cho Đinh Liễn để phong cho Ông làm "*Giao Chỉ Quận vương*" (22). Như vậy, về cơ bản Tống Thái Tổ đã phong cho Đinh Liễn một tước vị mà Đinh Bộ Lĩnh đã phong cho con trai mình 7 năm trước. Điểm khác biệt ở đây là "cấp độ" phong tặng giữa một bên là "*Nam Việt vương*" với một bên là "*Giao Chỉ quận vương*". Như vậy, trong tư duy chính trị của đế chế phương Bắc, ở mức độ nào đó, chính quyền này vẫn lảng tránh một thực tế, một thực thể nhà nước độc lập hiện diện ở phương Nam! Dầu vậy, năm 977 Đinh Tiên Hoàng vẫn sai sứ sang Trung Quốc mừng Tống Thái Tông lên ngôi!

Năm 979, nhà Tống diệt được nước cuối cùng trong "Thập quốc" là nhà Bắc Hán ở phía bắc. Với quân đông, thế mạnh, triều

đình phương Bắc bắt đầu tập trung chú ý đến sự trỗi dậy của một đất nước ở phương Nam. Đúng thời điểm đó, trong nội bộ vương triều Đinh diễn ra nhiều biến loạn: Đầu năm Mậu Dần (978), một năm mà các tác giả *Toàn thư* ghi rõ là tháng Giêng có động đất, tháng Hai mưa đá, Đinh Bộ Lĩnh đã phế truất ngôi Thái tử của Đinh Liễn, lập con thứ là Hạng Lang lên thay. Năm Kỷ Mão (979), Đinh Liễn lập mưu giết em là Hạng Lang, rồi tháng 10 năm đó cả Đinh Tiên Hoàng và Đinh Liễn đều bị Đỗ Thích sát hại! Trong một khoảnh khắc lịch sử, do bị chi phối bởi "Chủ nghĩa duy tình" và việc xử lý không thấu tình đạt lý vấn đề thế tập mà Đinh Tiên Hoàng đã đẩy nền chính trị vương triều đến cuộc khủng hoảng nghiêm trọng (23). Không còn cách nào khác, các trung thân với nhà Đinh phải mau chóng đưa Đinh Toàn mới 6 tuổi lên ngôi. Đây chính là "thời cơ" để nhà Tống (từ phương Bắc) và Chiêm Thành (từ phương Nam) đưa quân sang xâm lược nước ta (24).

Điều đáng chú ý là, từ kinh đô của nước láng giềng phương Nam, sau khi nghe tin vua Đinh và Đinh Liễn bị sát hại, phò mã Ngô Nhật Khánh đã dẫn hơn 1.000 chiến thuyền của quân Chiêm, do vua Chiêm đích thân chỉ huy, theo hai cửa biển là Đại Ác và Tiểu Khang tiến đánh Kinh đô Hoa Lư (25). Tiếp đó, tháng 9 năm 980, theo lời tâu của Tri Ung Châu là Thái thường bác sĩ Hầu Nhân Bảo, vua Tống một mặt cho người đem thư sang đe dọa triều Đinh (26), mặt khác ra lệnh chuẩn bị binh sĩ, vũ khí, quân lương... xâm lược Đại Cồ Việt. Trong thế nước lâm nguy, Thái hậu Dương Vân Nga đã mau chóng chuyển giao vương quyền cho Lê Hoàn đồng thời cùng bá quan văn võ tôn vinh ông là "Thiên tử", nắm toàn bộ quyền binh để cùng tướng sĩ Thập đạo quân và nhân dân đứng lên chống giặc, giữ nước.

Cũng cần phải nói thêm là, chiêu thức uy hiếp ngoại giao không phải là việc ngẫu nhiên mà là một trong những “quốc sách” của kẻ xâm lược. Uy hiếp ngoại giao thường là sự chuẩn bị thực tế cho cuộc chiến tranh xâm lược. Đó chính là biện pháp “phạt giao”, đe dọa đối phương để đối phương phân tâm, nao núng, lo sợ rồi tự hàng phục.

3. Kết quả và dấu ấn

3.1. Tiếp nối những thành tựu diệt thù trong giặc ngoài của Ngô Quyền, một vị vua “mưu tài đánh giỏi, làm nên công tái tạo, đứng đầu các vua” (27), Đinh Tiên Hoàng lên ngôi trong bối cảnh xã hội Đại Cồ Việt đứng trước nhiều thách thức nghiêm trọng về đối nội và đối ngoại. Vì thế, cùng với việc tập trung xây dựng bộ máy chính trị nhằm hướng đến thiết lập một chính quyền trung ương tập quyền mạnh, nhà Đinh cũng rất coi trọng hoạt động đối ngoại để qua đó tiếp tục củng cố nền độc lập, nâng cao vị thế quốc gia và giữ vững vương quyền. Như vậy, ngay từ những ngày đầu tiên nắm giữ quyền lực, vượt lên những chức năng cơ bản của một thiết chế quân sự, Đinh Tiên Hoàng và những người đứng đầu triều Đinh đã nhận thức rõ mối quan hệ chặt chẽ giữa đối nội và đối ngoại; giữa đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị, ngoại giao; giữa việc củng cố quốc lực với tranh thủ điều kiện thuận lợi của môi trường chính trị khu vực để thực hiện sự nghiệp chấn hưng đất nước. Như vậy, việc Đinh Tiên Hoàng cho thiết lập bộ máy chính trị, xây dựng quân đội, cất đặt công việc ngoại giao trên cơ sở kế thừa những thành tựu, kinh nghiệm của các triều đại trước và cả tri thức chính trị, quản lý của phương Bắc chính là “sự mài dũa các vũ khí tư tưởng sẵn có cho phù hợp với yêu cầu Việt Nam, mà một yêu cầu to lớn và cấp thiết nhất... là sự sống còn của dân tộc” (28).

Trong bối cảnh lịch sử, chính trị Đông Á thời bấy giờ, các triều Ngô, Đinh, Tiên Lê đã biết tranh thủ thời cơ giành độc lập và tạo nên thế đứng cho dân tộc trong thế đối diện với một sinh thể chính trị lớn đang nuôi dưỡng tham vọng mở rộng ảnh hưởng đến các quốc gia khu vực. *Bài học về tận dụng thời cơ, biết tranh thủ thời cơ để phục hưng quốc thống, khẳng định chủ quyền là bài học lớn nhất và sâu sắc nhất mà các triều Ngô, Đinh, Tiên Lê để lại cho thế hệ sau.* Ý thức về nguồn cội, về nền văn hóa có bản sắc riêng biệt, không chịu ách đô hộ... đã hun đúc tinh thần dân tộc, chủ nghĩa yêu nước và chính những nhân tố cốt yếu ấy đã dẫn dắt, tạo nên động lực mạnh mẽ cho dân tộc ta quyết tâm phá bỏ xích xiềng nô lệ để đi tới thành công trong sự nghiệp giải phóng dân tộc.

3.2. Vào thế kỷ X; thế ứng đối của Đại Cồ Việt trong các môi bang giao chủ yếu tập trung vào các nước láng giềng khu vực. Nói cách khác, sự thành bại trong quan hệ đối ngoại thời bấy giờ phụ thuộc vào việc xử lý thành công hay không thành công mối quan hệ với phương Bắc (nhà Tống) và ở mức độ nào đó là với các nước phương Nam (Chiêm Thành, Chân Lạp, Giava...). Các mối quan hệ khác đều nằm trong sự tương tác và là những tác nhân trực tiếp, gián tiếp; mạnh, yếu... tùy thuộc vào thế nước cũng như bối cảnh chính trị khu vực trong từng thời điểm lịch sử.

Thời bấy giờ, tư duy chính trị, thế ứng đối của triều Ngô, Đinh với các triều đại quân chủ phương Bắc được đặt trong logic của các cuộc đấu tranh kiên dững để rồi đi đến mục tiêu cuối cùng và cao nhất là lật đổ sự cương tỏa, ách thống trị của đế chế phương Bắc. Sau khi giành lại được nền độc lập, tư duy đối ngoại với triều Tống đã có sự điều chỉnh, được thể hiện tập trung trên các phương diện bang giao, biểu tượng

sản vật, phong tước hiệu... Với Đại Cồ Việt, mục tiêu căn bản của chính sách đối ngoại là duy trì sự hòa hiếu, tranh thủ tình thế chính trị thuận lợi để từng bước bước đế chế phương Bắc phải công nhận rồi cam kết công nhận chính thức nền độc lập thực sự của đất nước ta. Tuy nhiên, trong tư duy chính trị của giới cầm quyền Tống, việc chinh phục phương Nam, duy trì ách thống trị trực tiếp với các quốc gia khu vực luôn nằm trong những mưu tính chính trị lâu dài. Trong những thời điểm lịch sử nhất định, khi yêu cầu đó chưa thực hiện được, vương triều Tống cũng như các triều đại quân chủ khác chủ trương khống chế các nước khu vực thông qua nhiều biện pháp như thực thi chế độ phiên thuộc, triều cống, phong tước hiệu... Thực tế hoạt động bang giao giữa các nước Đông Á với các triều đại quân chủ Trung Quốc thế kỷ X và nhiều thế kỷ sau đó cho thấy, tuy cùng tham gia trong các hoạt động bang giao nhưng mục tiêu, tâm thế của các sứ đoàn, chính thể là rất khác nhau. Vì thế, các sự kiện phải được tiếp cận đa diện, hệ thống, phân tích chuyên sâu trong mối liên hệ và chỉ có như vậy mới có thể phân định lần ranh giữa thực và hư, giữa bản chất và hiện tượng (29).

Tiếp thu kinh nghiệm của các chính quyền họ Khúc, họ Dương và triều Ngô, trong quan hệ bang giao với các triều đại quân chủ Trung Hoa, với tư cách là chủ nhân của một quốc gia độc lập, Đình Tiên Hoàng và chính quyền Hoa Lư đã thực thi những bước đi mạnh mẽ, chủ động thiết lập quan hệ với nhà Tống và thực tế đã xác lập được quyền tự chủ cho đất nước, vương vị cho dòng họ và dân tộc. Trải qua bão táp của các cuộc chiến tranh, các đợt sóng đồng hóa, chống đồng hóa... nền văn hóa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam với những dấu ấn riêng, đặc sắc, thể hiện sâu đậm sắc thái văn hóa, tâm lý phương Nam lại bộc phát với những

động lực, sinh lực mạnh mẽ và hòa luyện cùng tiến trình phục hưng dân tộc.

3.3. Từ thế kỷ X, trong khi kiến lập quyền tự chủ, khẳng định nền độc lập dân tộc, tâm thế của những người cầm quyền quốc gia Đại Cồ Việt là phải quyết tâm giữ vững được nền độc lập dân tộc sau hơn 1.000 năm Bắc thuộc. Gân kẻ và thường xuyên phải đối diện với một đế chế rộng lớn, hùng mạnh ở phương Bắc, thế ứng đối của Đình Tiên Hoàng và triều Đinh là mềm dẻo trong ngoại giao, thực thi những biện pháp chính trị linh hoạt nhưng cương quyết giữ vững nguyên tắc trong việc bảo vệ những lợi ích cốt lõi của đất nước. "Nhà Đinh ra đời trong điều kiện nền độc lập; tự chủ mới khôi phục được trọn vẹn, triệt để từ tay phong kiến đô hộ Trung Hoa tròn 30 năm kể từ khi chiến thắng Bạch Đằng 938. Mối quan hệ thù địch từng bộc lộ công khai (xâm lược, nô dịch và chống nô dịch), hoặc ở dạng tiềm ẩn (ràng buộc, khống chế), cần phải được cải tạo, hạn chế đến mức tối thiểu để chuyển sang một quan hệ bang giao, hữu nghị, bình đẳng. Đó là yêu cầu khách quan vì lợi ích của nhân dân cả hai phía" (30).

Đối theo và phân tích sâu các động thái ngoại giao của triều Đinh, Nhà sử học Nguyễn Danh Phiệt cho rằng, hoạt động bang giao với nhà Tống của đức Đình Tiên Hoàng và triều Đinh đã trải qua hai giai đoạn. Thứ nhất, từ khi Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi Hoàng đế đến khi hai nước diễn ra quan hệ bang giao lần thứ nhất năm 972. Trong giai đoạn này, nhà Đinh đã giành được thế chủ động, đã tự khẳng định được quyền bình đẳng (dù tương đối) để rồi qua đó khẳng định vị thế của người đứng đầu vương quyền. Tiếp đó, ở bước thứ hai, nhà Đinh đã vươn lên đạt đến sự bình quyền mà rõ nhất là các hoạt động ngoại giao diễn ra từ năm 972 đến 975. Tâm điểm và kết

quả của các sự kiện đó là việc Đinh Tiên Hoàng và Đinh Liễn được phong tước hiệu (31). Nhưng, vấn đề không chỉ giản đơn như vậy, *việc chấp nhận phong tước hiệu* (dù nhà Tống và các triều đại phương Bắc luôn có thái độ trịch thượng, hiềm kỵ) *cũng đồng nghĩa với việc công nhận sự hiện diện thực tế của một quốc gia độc lập.*

3.4. Khởi đầu từ Khúc Thừa Dụ năm 905, khẳng định với chiến thắng Bạch Đằng của Ngô Quyền năm 938, dân tộc ta đã khôi phục trọn vẹn được quốc thống. Trong quá trình đó, nhận thức rõ vị thế của đất nước trong bối cảnh mới, trước những thách thức, đối trọng trong quan hệ với các thế lực chính trị khu vực, nhà Đinh đã tập trung *củng cố quốc lực, coi trọng thực lực, coi đó là gốc để buộc chính quyền phương Bắc và các nước láng giềng phương Nam phải chấp nhận hai vấn đề cơ bản mang tính nguyên tắc là tôn trọng quyền tự chủ và công nhận nền độc lập của quốc gia Đại Cồ Việt.*

Có thể nói, đối sách của triều Đinh đã tạo lập nên *những nguyên tắc đầu tiên, kinh nghiệm và tiền lệ* cho một thế ứng đối chính trị, bang giao của nhiều triều đại sau đó. Thế ứng đối đó vừa có sự kết nối vừa có sự phân lập, vừa giữ vững chủ quyền vừa kiên định đấu tranh bảo vệ những lợi ích cốt lõi của đất nước. Nghĩ suy về cách thức ứng đối chính trị, văn hóa của dân tộc ta trong lịch sử, Nhà sử học Hà Văn Tấn cho rằng: “Về mặt xã hội, sống bên cạnh một nước lớn, có nền văn minh rực rỡ, người Việt cổ muốn tồn tại, giữ được cái *Ta*, dĩ nhiên là phải có thái độ ứng xử linh hoạt, không thể *cứng* khi cần *mềm*, không thể *bài* khi cần *nhập*. Chấp nhận nhân nhượng để tránh tổn thất vô ích. Có bản lĩnh, tiếp thu có chọn lọc để làm phong phú mình. Từ thực tiễn cuộc sống đó đã đẻ ra nghệ thuật ứng xử như nước ấy” (32). Phương châm

chủ đạo trong sách lược đối ngoại, của các triều Ngô, Đinh, Tiên Lê là: Khiêm nhượng, tránh đối đầu để có thêm thời gian củng cố nền độc lập, tăng cường quốc lực. Trong chiến lược đối ngoại thì: Luôn nỗ lực duy trì nền hòa bình để tránh hy sinh, đổ máu cho nhân dân; kiên trì đấu tranh giữ vững nền độc lập, bảo vệ chủ quyền nhưng cũng kiên quyết đứng lên kháng chiến một khi nền độc lập, chủ quyền và những lợi ích cốt yếu của đất nước bị xâm phạm.

3.5. Luận bàn về những công tích lớn của triều Đinh, Sử gia uyên bác thời Trần, Lê Văn Hưu (1230-1322) cho rằng: “Tiên Hoàng nhờ có tài năng sáng suốt hơn người, dũng cảm mưu lược nhất đời, đương lúc nước Việt ta không có chủ, các hùng trưởng cát cứ, một phen cất quân mà mười hai sứ quân phục hết. Vua mở nước, dựng đô, đối xứng hoàng đế, đặt trăm quan, lập sáu quân, chế độ đầy đủ, có lẽ ý trời vì nước Việt ta mà lại sinh bậc thánh triết để tiếp nối quốc thống” (33):

Về Đinh Bộ Lĩnh, học giả người Mỹ William J. Duiker nhận xét: “Tự xưng là hoàng đế của một nhà nước mới, quốc gia Đại Cồ Việt năm 968, Đinh Bộ Lĩnh đã dời kinh đô từ Cổ Loa, trung tâm của châu thổ sông Hồng về Hoa Lư. Trong một thập kỷ cầm quyền, Đinh Bộ Lĩnh đã có nhiều nỗ lực để thiết lập nên những nền tảng vững chắc cho nền độc lập của Việt Nam dựa trên truyền thống vốn có”. Trên phương diện đối ngoại tác giả cho rằng: “Ban đầu, Đinh Bộ Lĩnh đã rất thận trọng để tránh sự hận thù từ chính quyền Nam Hán ở Quảng Châu. Tuy nhiên, năm 968 ông tự xưng là Hoàng đế, điều đó cho thấy Đinh Bộ Lĩnh đã tự coi mình là độc lập với nền thống trị Trung Hoa. Bảy năm sau, ông muốn thiết lập nền hòa bình với triều đình nhà Tống bằng việc cử các sứ đoàn sang yết kiến Hoàng đế Trung Quốc, kể sau đó đã

công nhận người nắm giữ quyền lực ở Việt Nam là “*An Nam quốc vương*” (34).

Như vậy, vận dụng kinh nghiệm của các chính quyền và triều đại trước, dựa vào tiềm lực, vị thế mới của đất nước, nhà Đinh đã phát triển sáng tạo và đã từng bước tạo được thế đứng tương đối vững chắc cho quốc gia Đại Cồ Việt trong các mối quan hệ khu vực. Quan hệ đối ngoại của triều Đinh không chỉ góp phần chứng minh trên thực tế sự hiện hữu chính thức của một chính thể độc lập mà còn góp sức quan trọng để củng cố, bảo vệ chính thể, chủ quyền và nền độc lập của dân tộc.

Để kết thúc bài viết, tôi xin dẫn lại lời bình của Nhà sử học Trần Quốc Vượng về những cống hiến tiêu biểu của một triều đại và của cả một thời đại: “Trong hai thành tựu văn hóa lớn nhất của loài người là *Độc lập* cho mỗi dân tộc và *Tự do* cho mỗi nhân thân thì thế kỷ X của Việt Nam

đã cơ bản đạt được thành tựu văn hóa thứ nhất và phải chờ 10 thế kỷ sau mới bắt đầu đạt được thành tựu văn hóa thứ hai. Và chẳng, cái thành tựu văn hóa thứ hai này thì ở thế kỷ X cũng chưa có nơi nào trên thế giới Người này đạt được” (35).

Thế kỷ X đã qua nhưng công tích của các triều Ngô, Đinh, Tiền Lê... vẫn luôn được khắc ghi trong sử sách và ký ức của dân tộc (36). Nghìn năm sau đọc lại và học lại những trang sử hào hùng của dân tộc vẫn thấy hiển hiện lên những quyết sách, đối sách, cách thức ứng đối chính trị; kinh nghiệm, tri thức bang giao phong phú của đức Đinh Tiên Hoàng, vương triều Đinh và các triều đại quân chủ *Thời khai mở, chấn hưng đất nước*. Đó là những di sản quý, hành trang không thể thiếu trên dặm đường dài của công cuộc dựng xây đất nước, đấu tranh bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, lãnh hải Tổ quốc và hội nhập quốc tế hiện nay.

CHÚ THÍCH

(1). Hà Văn Tấn (Chủ biên), *Văn hóa Đông Sơn ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1994.

(2). Trần Quốc Vượng, *Theo dòng lịch sử - Những vùng đất, Thân và Tâm thức người Việt*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội, 1996, tr.11.

(3). Georges Condominas: *Không gian xã hội vùng Đông Nam Á*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội, 1997, tr.164.

(4). Nguyễn Quang Ngọc (Chủ biên), *Vương triều Lý (1009 - 1226)*, Nxb. Hà Nội, Hà Nội, 2010, tr. 376-402.

(5). Về bước ngoặt lịch sử thế kỷ X, Nhà sử học Phan Huy Lê đã viết: “Vượt qua thời Bắc thuộc là kết quả của một cuộc đấu tranh lâu dài giữa Bắc thuộc và chống Bắc thuộc, cuối cùng kết thúc bằng một cuộc đấu tranh liên tục trong 33 năm vừa mềm mỏng vừa quyết liệt để đoàn kết, tập hợp lực lượng dân tộc tuy đã trưởng thành nhưng vẫn mang tính phân tán, để từng bước xây dựng và phát triển thực lực, để đánh bại những cuộc xâm

lược của phong kiến phương Bắc, tiến từ nền tự chủ lên nền độc lập thực sự. Đây là bước chuyển mang tính đặc thù của lịch sử Việt Nam từ thời Bắc thuộc hơn nghìn năm sang thời kỳ độc lập và phục hưng dân tộc, từ thời “loạn” sang thời “trị” trong quan niệm cổ truyền”. Phan Huy Lê: *Lịch sử và Văn hóa Việt Nam - Tiếp cận bộ phận*, Nxb. Giáo Dục, Hà Nội, 2007, tr.241.

(6). Nguyễn Văn Kim, *Đại Việt trong bối cảnh lịch sử Đông Á thế kỷ X*, trong: Việt Nam trong Thế giới Đông Á - Một cách Tiếp cận liên ngành và Khu vực học, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 53.

(7). Michio Morishima, *Tại sao Nhật Bản “thành công”? - Công nghệ phương Tây và tính cách Nhật Bản*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1991, tr.52; Nguyễn Văn Kim, *Nhật Bản với châu Á - Những mối liên hệ lịch sử và chuyển biến kinh tế - xã hội*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2003, tr.13-38.

(8). Trần Quốc Vương, *Một cái nhìn tổng quan về thế kỷ X với văn minh thế giới và Việt Nam*, trong: Văn hóa Việt Nam - Tìm tòi và suy ngẫm, Nxb. Văn hóa Dân tộc - Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, Hà Nội, 2000, tr.153.

(9). Vũ Minh Giang, *Lịch sử Việt Nam truyền thống và hiện đại*, Nxb. Giáo Dục, Hà Nội, 2009, tr.66-67.

(10). Về các thế lực siêu nhiên, Keith Taylor viết: "Những chuyện về thời niên thiếu của Đinh Bộ Lĩnh nhấn mạnh đến sự can thiệp của siêu nhiên. Cậu bé Lĩnh được hai con rồng cứu thoát chết. Cha của Lĩnh được coi là một yếu tố khác gắn Lĩnh với Thủy thần; thần thoại Việt Nam khẳng định quyền lực của chủ soái bắt nguồn từ Thủy cung mà ra. Lĩnh lên nắm quyền lực là nhờ hài cốt của cha được táng vào nơi đất quý về địa lý. Lĩnh bị ám sát cũng được giải thích ít nhất bằng bốn truyện, mỗi truyện đều gắn với cái chết của Lĩnh với các thế lực siêu nhiên. Không tồn tại những truyện như vậy về Lê Hoàn, người kế thừa Đinh Bộ Lĩnh, nhưng rõ ràng Lê Hoàn cũng được người đương thời coi như cùng khuôn mẫu Đinh Bộ Lĩnh vì trong đền thờ Tổ ở Hoa Lư, *kính đô của Đinh Bộ Lĩnh và Lê Hoàn*, có tượng của Đinh Bộ Lĩnh, Lê Hoàn và Hoàng hậu chung của cả hai người, cả ba người cùng ngồi với nhau". Keith Taylor: *Quyền uy và tính chân chính ở Việt Nam thế kỷ thứ XI*, trong: Những vấn đề lịch sử Việt Nam, Nguyệt san Xưa và Nay - Nxb. Trẻ, Hà Nội, 2001, tr.66. Về các đấng siêu nhiên phù trợ cho Đinh Bộ Lĩnh xem thêm: *Việt sử lược*, (Trần Quốc Vương dịch), Nxb. Thuận Hóa - Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội, 2005, tr.53-59.

(11). Ngô Sỹ Liên và các sử thần triều Lê: *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993, tr.210.

(12). *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, sdd, tr.211. Tuy nhiên, *Toàn thư* cũng nhắc đến niên hiệu Thiên Đức (544 -548) đã được Lý Nam Đế đặt trước đó.

(13). Nguyễn Lương Bích, *Lược sử ngoại giao Việt Nam các thời trước*, Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 2003, tr.30-31.

(14). Các tác giả *Toàn thư* ghi rõ: "Mùa xuân, tháng hai (974), quy định về quân mười đạo: mỗi đạo có 10 *quân*, 1 *quân* có 10 *lữ*, 1 *lữ* 10 *tốt*, 1 *tốt* 10 *ngũ*, 1 *ngũ* 10 *người*, đầu đội mũ bình đỉnh, vuông bốn góc (loại mũ này làm bằng da, chóp phẳng, bốn bên khâu liền, trên hẹp dưới rộng, quy chế này đến đời bản triều khởi nghĩa vẫn còn dùng, đời sau cũng theo thể). *Đại Việt sử ký toàn thư*, sdd, tr.213.

(15). Theo *An Nam chí lược* thì: "Thái tổ xuống chiếu phong Liễn làm Tiết độ sứ An Nam đô hộ. Tháng 5 năm thứ 8 (975), Liễn tiến cống vàng lụa, sừng tê, ngà voi, trà thơm. Ngày mùng 7 tháng 8, Thái Tổ xuống sắc chế, phong cha Liễn là Bộ Lĩnh làm Giao Chỉ Quận vương, thực ấp là 1.000 hộ. Tháng 12, khiến Cao Bảo Chư làm Quan Cáo sứ, năm Thái Bình Hưng Quốc thứ 2 (977), Liễn sai sứ qua cống mừng vua Thái Tông lên ngôi. Năm thứ 5 (980), Liễn mất, em là Truyền lên ngôi". Lê Tắc: *An Nam chí lược*, sdd, tr.227. Tuy vậy, tác giả *Việt sử lược* lại chép rằng, năm 972 vua Đinh Tiên Hoàng đã "sai Nguyễn Tử Du đi sứ Tống kết hiếu", *Việt sử lược*, sdd, tr.55.

(16). Về sự kiện năm 972, Nhà bác học Phan Huy Chú nhận xét: "Nước ta từ thời Hùng Vương mới bắt đầu thông hiếu với Trung Quốc, nhưng danh hiệu còn nhỏ, không được dự vào hàng chư hầu triều hội ở nhà Minh đường. Rồi bị Triệu Đà kiêm tính, nhà Hán phong Đà làm Nam Việt vương, chỉ được sánh với chư hầu của Trung Quốc, chứ chưa từng được nêu là một nước. Đến sau nội thuộc vào nhà Hán, nhà Đường, bèn thành quận huyện. Đến khi Đinh Tiên Hoàng bình định các sứ quân, khôi phục mở mang bờ cõi, bấy giờ điển lễ, sách phong của Trung Quốc mới nhận cho đứng riêng là một nước". Phan Huy Chú: *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập 2, Nxb. Giáo dục, 2007, tr.534-535.

(17). Lê Tắc, *An Nam chí lược*, Nxb. Thuận Hóa - Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội, 2002, tr.53.

(18), (23), (25), (27), (33) *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, sdd, tr. 218, 213-214, 216, 204, 211.

(19). Kenneth R. Hall: *Maritime Trade and State Development in Early Southeast Asia*,

University of Hawaii Press, Honolulu, 1985; Trường DH KHXH&NV, ĐHQG HN: *Việt Nam trong hệ thống thương mại châu á thế kỷ XVI-XVII*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2007; Nguyễn Văn Kim (Chủ biên): *Người Việt với biển*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2011; Nguyễn Văn Kim - Nguyễn Mạnh Dũng (Chủ biên): *Việt Nam - Truyền thống kinh tế, văn hóa biển*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2015.

(20). Lời chế của Tống Thái Tổ viết: “Bộ Lĩnh sinh tại đất Diên Chi, giữ tiết làm tôi hướng theo phương Bắc, thế hệ cao quý, giữ gìn một cảnh thổ phương xa, có chí mẫn văn hóa Trung Quốc, thường nghĩ đến việc nội phụ. Nay Cửu Châu đã thống nhất, Ngũ lĩnh cũng thanh bình bên do đường thủy lục, qua lại cống hiến lễ vật. Nay ta có lời khen ngợi đã sai con sang xin làm phiên thuộc, vậy phong cho cha làm Quận vương, cấp tước lộc để biểu dương lòng nhân đức khác thường, nên ghi sâu đặc ân của ta và chúc cho trường thọ”. Lê Tác: *An Nam chí lược*, sdd, tr.87.

(21). Nhận xét về sự kiện này, Sử thần Ngô Sĩ Liên cho rằng: “Ngày trước, Đinh Liễn giúp Tiên Hoàng dẹp mở nước, uy danh lừng lẫy, khi đi sứ sang Tống về thì có ngay mệnh phong Thái sư đồ hộ, rồi phong Quận vương thật, là vì nhà Tống cho Liễn là đáng được trị nước”. Phan Huy Chú: *Lịch triều hiến chương loại chí*, sdd, tr.537.

(22). Giải thích về cách thức sách phong của nhà Tống, Nhà bác học Phan Huy Chú cho rằng: “Phép nhà Tống phạm những nước triều cống, đều có sứ mang sách đến phong, lúc đầu thì phong đô đốc hoặc thứ sử, hoặc giả tiết, hoặc sử tri tiết, hoặc gia kiểm hiệu, rồi mới đến thái sư, ghi chữ công thần, cho số thực ấp bốn năm lần, rồi mới phong tước chân vương”. Phan Huy Chú: *Lịch triều hiến chương loại chí*, sdd, tr.536-537.

(24). Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam thế kỷ X - đầu thế kỷ XV*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2002, tr.44-51.

(26). Bức thư viết: “Nay thánh triều ta, lòng nhân trùm khắp muôn nước; cơ nghiệp thái bình kể cũng đã thịnh. Lễ phân phong đã sắp đặt sẵn, còn đợi người đến chúc sức khỏe ta. Người đừng ru rú trong bốn góc nhà khiến cho ta buồn phiền, khiến ta phải chém cờ bỏ so làm cỏ nước người, hồi sao cho kịp... Dù cho sông nước người có ngọc, ta cũng vớt xuống suối; núi nước người sản vàng, ta cũng ném vào bụi để thấy chẳng phải ta tham của báu nước người... Nay ta đang chỉnh đốn xe cộ, quân lính, truyền hiệu lệnh chiêng trống. Nếu chịu theo giáo hóa thì ta sẽ tha tội cho, nếu trái lệnh thì ta sẽ sai quân đánh. Theo hay không, lành hay dữ, tự người xét lấy”. Dẫn theo *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập 1, sdd, tr.219.

(28). Hà Văn Tấn, *Máy suy nghĩ về lịch sử Việt Nam và tư tưởng Việt Nam*, trong: *Đến với lịch sử, văn hóa Việt Nam*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 2005, tr.50.

(29). Yu Insun, *Lịch sử quan hệ Việt Nam - Trung Quốc thế kỷ XIX - Thế chế triều công thụ và hư*, trong: *20 năm Việt Nam học theo định hướng liên ngành*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2008, tr.403-435.

(30), (31). Nguyễn Danh Phiệt, *Nhà Đinh dẹp loạn và dựng nước*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1990, tr.128-129, 130.

(32). Hà Văn Tấn, *Bản sắc văn hóa Việt cổ*, trong: *Đến với lịch sử văn hóa Việt Nam*, sdd, tr.159.

(34). William J. Duiker, *Historical Dictionary of Vietnam*, The Scarecrow Press, N.J.& London, 1989, p.47.

(35). Trần Quốc Vượng, *Một cái nhìn tổng quan về thế kỷ X với văn minh thế giới và Việt Nam*, trong: *Văn hóa Việt Nam - Tìm tòi và suy ngẫm*, Nxb. Văn hóa Dân tộc - Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, Hà Nội, 2000, tr.153.

(36). Bùi Văn Cường - Nguyễn Tế Nhị - Nguyễn Văn Diễm (Sưu tầm, biên soạn), *Trần trở ngàn năm (Huyền thoại - Truyền thuyết Đình Lê ở Hà Nam)*, Nxb. Thời đại, Hà Nội, 2014.